

## BÀI TẬP NGHỊ QUYẾT KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

### Nghị quyết 1:

Nhân viên báo cáo của NHNN về số tiền mà kho bạc đã chuyển vào TK của NH Ngoại Thương: 4 tỷ. Số tiền này Chính Phủ thác cho NH cho vay theo kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng. Trong kỳ, đã ghi ngân cho Cty XD N: 600tr. Trong đó chuyển vào TKTG của Cty XD mặt chính NH: 300tr, chuyển tiền qua TTBT trả cho Cty cơ khí 200tr mặt NHTM D, 100tr trả lãi và tiền thuê nhân công. NH nhân 5tr phí y thác của bộ tài chính chuyển vào TKTG của NHNN. Trong số phí này, phải nộp thu VAT 10%.

- Khi nhận ưu đãi:

N 1113: 4.000.000.000

Có 4412: 4000.000.000 (Vn tài trợ, ưu đãi xuất, cho vay nhân viên của Chính phủ)

- Khi ghi ngân cho khách hàng:

N 359: 600.000.000

Có 4211.CTY XD N: 300.000.000

Có 5012 : 200.000.000

Có 1011 : 100.000.000

- Khi thông báo cho NH ưu đãi:

N 4412: 600.000.000

Có 459: 600.000.000

- Ngân sách 981: 600.000.000 (cho vay, xuất theo hợp đồng nhân viên ưu đãi)

- Lãi ưu đãi:

N 1113 : 5.000.000

Có 714 : 4.500.000

Có 4531 : 500.000 (thu VAT)

### Nghị quyết 2:

Ngày 20/06/2007 Bà Nguyễn Thu Hiền ngân hàng Phụng Nam rút tiền gửi tiết kiệm và tính toán như sau:

Quyển 1: Số tiền gửi 200tr ghi kỳ hạn 3 tháng lãi 6.7% n m t ngày 20/03/2007

Quyển 2: Số tiền gửi 100tr ghi kỳ hạn 6 tháng lãi 6.89% n m g i t ngày 25/4/2007.

Bỉ tắc ngày 27 của tháng thì ngân hàng tính lãi. Lãi kỳ hạn là 3.4% n m.

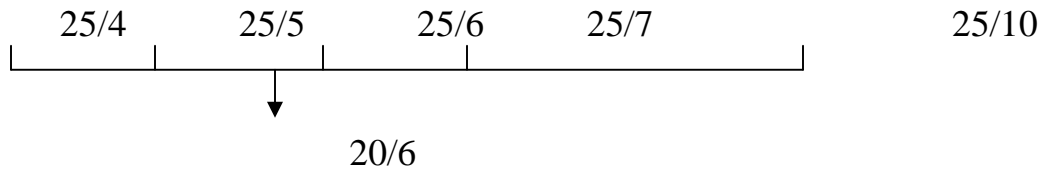
Tính lãi của khách hàng và xử lý: ( thì VPBank Thành Long)

### **Hạch toán:**

Quyển 1: 20/3/2007 - 20/6/2007 = 3 tháng. Khách hàng rút ứng hạn.

Lãi =  $200 * 6,7\% * 3/12 = 3,35$  tri u  
 Tổng số tiền nh n c =  $200 + 3,35 = 203,35$  tri u  
 N 4913: 3,35 tri u  
 N 4232.3t.NT: 200 tri u  
 Có 1011: 203,35 tri u

Quy n 2: th i h n 6 tháng. Ngày 20/6/2007 rút → rút tr c h n



- Ngày 27 hàng tháng ngân hàng tính lãi d chi. Số ngày ã c ngân hàng tính lãi d chi = 33 ngày ( 25/4 → 27/5)

Lãi d chi =  $100 * 6,89\% * 33 / 360 = 0,6316$  (tri u)

- Khách hàng rút tr c h n, tính theo lãi không kì h n. 25/4 → 20/6 = 56 ngày.

Lãi th c tr =  $100 * 3,4\% * 56 / 360 = 0,5289$  (tri u)

⇒ s d chi ph i hoàn =  $0,6316 - 0,5289 = 0,1027$  (tri u)

**nh kho n:**

- N 4232.6T.NT: 100.000.000

Có 1011: 100.000.000

- N 4913: 528.900

Có 1011: 528.900

- N 4913: 102.700

Có 801: 102.700

**Nghi p v 3:**

Ông Tr n V n Lâm n g i t i n t i t k i m t i ngân hàng Nông nghi p và Phát Tri n Nông Thôn v i s t i n: 100.000.000 v i k h n 3 tháng lãi su t 0.67%/tháng.

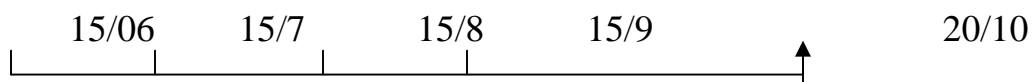
Ngày g i là 15/06/2007.

Nh ng d n ngày 20/06/2007 ngân hàng thay i lãi su t k h n 3 tháng lên 0.70%/tháng và không k h n là 0.25%/tháng.

Ngày 20/10/2007 khách hàng t t toán t i n g i.

Nhân viên ngân hàng d chi vào ngày 27 hàng tháng.

H ch toán t i n g i và s t i n lãi khách hàng nh n vào ngày 20/10/2007



-Khi khách hàng gửi tiền:  
N 1011: 100.000  
Có 4232.3T.TVL: 100.000

- Ngân hàng tính lãi dự trữ :  
Ngày 27/6/07 ngân hàng tính lãi dự trữ từ ngày 15/6/07 đến ngày 26/7/07:  
Lãi dự trữ :  $100.000 * 0.67\% * 42 \text{ (ngày)} / 30 = 938$

Lãi dự trữ tháng ưu tiên:  
N 801: 938  
Có 4913: 938

Ngày 27/7/07 ngân hàng tính lãi dự trữ từ 27/7/07 đến 26/8/07  
Lãi dự trữ :  $100.000 * 0.67\% = 670$   
Lãi dự trữ tháng thứ 2:  
N 801: 670  
Có 4913: 670

Ngày 27/8/06 ngân hàng tính lãi dự trữ từ 27/8/06 đến 26/9/06  
Lãi dự trữ :  $100.000 * 0.67\% = 670$   
N 801: 670  
Có 4913: 670

- Tổng lãi dự trữ :  $938 + 670 + 670 = 2278$

-Lãi thực trả cho khách hàng từ ngày 15/6/07 đến ngày 14/9/07 là:  
 $100.000 * 0.67\% * 92 / 30 = 2054,67$

- Lãi thực trả cho khách hàng từ ngày 15/9/07 đến ngày 20/10/07 là (lãi kỳ trước cộng  
nhập vào):  $(100.000 + 2054,67) * 0.25\% * 35 / 30 = 297,66$

**nh khoản:**

-Lãi nhập vào:  
N 4913 : 2054,67  
Có 4232.12T.TVL: 2054,67

- Khách hàng rút lãi :  
N 4913: 223,33 (2278-2054,67)  
Có 801: 223,33 (gửi chi do khoản đầu chi liên hệ nhân thủ chi)

N 801: 297,66

Có 1011: 297,66

-Khách hàng rút v n:

N 4232.12T.TVL: 102054,67 (100.000+2054,67)

Có 1011 : 102054,67

#### **Nghi p v 4:**

Ngày 12/7/2007, Ô.B c n NH Ngo i Th ng xin rút TM l t ch ng ch t i n g i, th i h n 12 tháng t 12/10/06 n 12/10/07 (tr l i tr c) m nh giá 600tr, LS 0,5%/tháng, còn 3 tháng n a m i áo h n. Theo quy nh c a NH, tr ng h p này KH ch c h ng LS 0,3%/tháng

- S t i n th c g i:  $= 600\text{tr}/(1+0,5\%*12)=566,04\text{tr}$

- S t i n l i có th nh n c khi n h n là:  $600\text{tr}-566,04\text{tr}=33,96\text{tr}$

- T i th i i m phát hành:

N 1011: 566,04tr

N 388 (Chi phí ch phân b ) : 33,96tr

Có 4232.12T.OB: 600tr

- nh k hàng tháng phân b l i vào chi phí (t tháng u tiên n tháng 9)

N 801: 2,83tr (33,96tr/12T)

Có 388: 2,83tr

- n h t tháng 9 thì NH ã phân b c  $2,83*9=25,47\text{tr}$ , còn 8,49tr ch a phân b

-Khách hàng rút tr c h n. tính theo l i không kì h n 0,3%/tháng.

- S t i n l i th c nh n:  $566,04\text{tr}*0,3\%*9=15,28\text{tr}$

- S t i n khách hàng nh n c ngày 12/7 là:  $600\text{tr}+15,28-33,96=581,323\text{tr}$

#### **nh kho n:**

-Khách hàng rút t i n m t:

N 4232.12T.OB:566,04tr

N 801 : 15,28

Có 1011: 582,159tr

- H ch toán ph n l i:

N 4232.12T.OB: 33,96tr

Có 388: 8,49tr

Có 801: 25,47tr (thoái chi)

### **Nghi p v 5:**

Ngày 1/4/2004 t i NHTM A phát sinh nghi p v nh sau: ngân hàng A thu c kho n n c a khách hàng D là 20 tr ng b ng ti n m t. Kho n n này NH A ã l p d phòng 20 tr ng. ng th i NH trích d phòng quý m t n m 2004 là 100 tr ng.

nh kho n:

N 1011: 20tr

Có 79 : 20 tr

Xu t 971: 20tr

N 8822: 100tr

Có 219: 100tr

### **TÌNH HU NG 1:**

- M t khách hàng A g i TK 20 tri u , th i h n 3 tháng, tr lãi cu i kì. N u khách hàng g i TK có d th ng thì LS:0.61 %/tháng. N u khách hàng g i TK không có d th ng thì LS: 0.71%/tháng.
- Th i h n t 10/03/2007 n 10/06/2007.
- KH ng ý d th ng.
- Ngày m th ng là ngày 10/04/2007.
- Gi s vào ngày 20/05/2007 Khách hàng rút ti t ki m tr c h n
- Lãi không k h n là 0.25%/th

### **GI I:**

#### ❖ ***Khi khách hàng g i TK:***

N 1011 :20tri u

Có 4232.3tháng.Kh A :20tri u

#### ❖ ***D tr lãi hàng tháng:***

N 801 : 0.122tri u = 20\*0.61%

Có 4913 : 0.122tri u

#### ❖ ***Khi khách hàng k t toán tr c h n :***

##### ◆ ***Tr n g c***

N 4232.3tháng.Kh A :20tri u

Có 1011 :20tri u

◆ *Trãi trãi ch n* : (10/03 n20/05 là 71 ngày)  
 N 4913 :  $20 * (0.25\% / 30) * 71 = 0.118333$  tr  
 Có 1011 : 0.118333 tr

◆ *H ch toán chênh l ch* :  
 N 4913 :  $(0.122 * 3) - 0.118333 = 0.247667$  tr  
 Có 801 : 0.247667 tr

◆ *Doanh thu t d ch v khác* ( do Kh không ti p t c d th ng ) (Ch u chi phí tr th ng  $(0.71 - 0.61) * th i h n * s i n$ )

N 1011 :  $((0.71\% - 0.61\%) / 30) * 71 * 20 = 0.047333$  tr  
 Có 79 0.047333 tr

**Tình hu ng 2:**

Ngày 07/05/2006. M t khách hàng B vay NH 180tr th i h n 3 n m theo ph ng th c vay tr góp ,v n tr u m i tháng là 3tri u, lãi tính trên s d th c t , LS cho vay 1.2%/th(c nh).LS quá h n =150%LS cho vay .Tài s n th ch p tr giá 500 tr .  
 Quá trình tr n g c và lãi nh sau :

- 08/06/2006:tr g c và lãi
- 08/07/2006:tr lãi
- 20/08/2006:tr lãi và g c
- 08/09/2006:KH bán tài s n tr giá 400tr và em tr h t n cho NH.

**GI I:**

❖ Ngày 7/5/2006: khi NH giải ngân  
 Nợ 2121.3 n m.KH B :180tr  
 Có 1011 :180tr

▪ **ng th i ti n h a ònh nh p ngo i b ng tại s n ã m b o kho n vay**  
**Nh p 9940 : 500 tr ã ( tại s n th ch p )**

❖ Ngày 8/6/2006: khi KH tra u nôi goác vaø laõi haøng thaùng  
 Nôi 1011 : 5,16tr  
 Coù 2111 : 3tr  
 Coù 702 : 2,16tr

❖ Ngày 8/7/06: KH chæ tra u laõi  
 Nôi 1011: 2,124tr (177 x 1,2%)

Coù 702: 2,124tr

- Chuyeån nôi goác T7 sang nôi caàn chuù yù

Nôi 2122 : 3tr

Coù 2121: 3tr

- ❖ Cuoái ngaøy 8/8/06: nhaáp 941: 2,124tr

- Chuyeån nôi goác T8 sang nôi caàn chuù yù

Nôi 2112 : 3tr

Coù 2111: 3tr

- ❖ Ngaøy 20/8/06: Traù laõi T8 vaø nôi goác cuùa T7

-Xuaát 941: 2.124 tr

-Laõi phaõi traù vaøo ngaøy 8/8 + phaít chaäm traù laõi (tính trên tiền laõi phaõi traù)+ laõi quaù haïn (tính trên voán goác phaõi traø)

=2,124tr + 2,124\*0,05%\*12 + 177x1,2%/30 x43(t ngaøy 8/7 n ngày 19/8) x150% = 2.5934044 tr

Nôi 1011 : 5.593404 tr

Coù 702 : 2.124 tr

Coù 2112: 3 tr

Coù 709 : 0.469404 tr = 0.012744 + 0.45666

Ngaøy 8/9: Traù heát soá nôi coøn thieáu

-Laõi phaít quaù haïn cuùa nôi goác T8:  $174 * 150% * 1.2% / 30 * 31$  ( t ngaøy 8/8 n ngaøy 7/9) = 0.32364

Traù heát nôi coøn laõi :

Nôi 1011 : 176.41164 tr

Coù 2111 : 171 tr

Coù 2112(T8): 3

Coù 702 : 2.088 tr = 174 \* 1.2%

Coù 709 : 0.32364 tr

-Traù laõi TSÑB:

Xuaát 9940 : 500 tr

### **Tr ñg h p 1: Cho vay c m c s t i t k i m**

#### **Tình hu ñg:**

Khách hàng B có s TK 500 tri u g i t ngày 1/9/07, k h n 3 tháng, lãi su t 0,705%/tháng. Ngày 15/11/07, KH c n s d ñg 100 tri u trong vòng 7 ngày. KH

nên làm thế nào áp dụng nhu cầu và chi phí b ra th p nh t? nh kho n nghi p v kinh t trên.

### **Gi i quy t:**

- N u KH t t toán s t t ki m 500 tri ù vào 15/11/07

Tính lãi:

+ T 1/9/07 n 1/11/07: Áp d ng lãi su t TGTK nh k tròn 2 tháng 0,64%/tháng

$$\text{Lãi: } 500\text{tr} \times 0,64\% \times 2 = 6.400.000$$

$$N \text{ 4913 (801) : } 6.400.000$$

$$C \text{ ó 1011 : } 6.400.000$$

+ T 2/11/07 n 15/11/07: Áp d ng lãi su t không k h n 0,25%/tháng cho 14 ngày

$$\text{Lãi: } 500\text{tr} \times 0,25\% \times 14 = 583.300$$

$$N \text{ 4913 : } 583.300$$

$$C \text{ ó 1011 : } 583.300$$

$$\text{V y t ng lãi Kh c lãnh: } 6.400.000 + 583.300 = 6.983.300$$

- N u KH t t toán s úng h n vào 11/12/07

$$\text{T ng lãi KH s c lãnh: } 500 \times 0,705\% \times 3 = 10.575.000$$

Nh v y n u t t toán s vào ngày 15/11/07 thì Kh s b l :

$$10.575.000 - 6.983.300 = 3.591.700$$

- Gi s KH vay c m c s TK

$$\text{Lãi su t vay} = \text{Lãi su t g i ù k} + 0,2\% = 0,705\% + 0,2\% = 0,905\%$$

$$\text{Ti n lãi vay KH ph i tr trong 7 ngày: } \frac{100.000.000 \times 0,905\% \times 7}{30} = 211.200$$

Nh v y KH nên vay c m c s TK thì chi phí b ra s th p h n t t toán s t t ki m tr c h n.

### **nh kho n:**

- S t i n gi i ngân:

$$N \text{ 2111 : } 100.000.000$$

$$C \text{ ó 1011 : } 100.000.000$$

- Lãi vay:



*N 1011* : 211.200  
*Có 702* : 211.200

- Tài sản thanh toán: giá trị tín dụng  
*Nh p 996*: 500.000.000

## **Trình bày 2: Tín dụng tích lũy**

### **Tình huống:**

Thay vì gửi 12tr, lãnh lãi cuối kỳ, thì mỗi tháng KH vay gửi 1tr/tháng cho 12 tháng mà vẫn có lãi suất 1 tháng là 0,6%/tháng. Nếu KH có 5tr gửi vào tài khoản tín dụng tích lũy thì hàng tháng tiếp theo (4 tháng tiếp theo) vẫn không cần gửi tiền vào tài khoản. Tuy nhiên, KH lãi không chốt toán trước, kết thúc thì lãi là 1 năm. Lãi suất: 0,6%/tháng.

### **nh khoản:**

- KH gửi tiền:

*N 4232* : số tiền KH gửi (1 hoặc 5tr)  
*Có 1011* : số tiền KH gửi (1 hoặc 5tr)

- Lãi đầu tư :

*N 801* :  $0,6\% \times 12\text{tr} = 72.000$   
*Có 4913* : 72.000.000

## **Trình bày 3: CK bán hàng xuất khẩu và nhập hàng xuất khẩu**

### **Tình huống:**

Nhà XK mang 1 NH chi tiêu xuất khẩu bán hàng xuất khẩu trị giá 50.000USD trong thời hạn 2 tháng. Lãi suất CK 1%. Hoa hồng CK: 1.000 USD. Lãi vay 1,5%. Tỷ giá thị trường hiện tại cho chi tiêu: 16.000 VND/USD. Sau 2 tháng không thay đổi báo "Cố" của NH nhà nhập khẩu. nh khoản nghiệp vụ kinh tế trên.

### **Ghi quy t:**

Số tiền CK =  $50.000 - 50.000 \times 1\% - 500 = 49.000 \text{ USD} = 784.000.000 \text{ VND}$   
Lãi đầu thu hàng tháng:  $784.000.000 \times 1,5\% = 11.760.000$

nh khoản:

- Lúc CK:

*N 2221*: 784.000.000

*Có 1011*: 784.000.000

- Sau 2 tháng không thay báo “Có”

*N 2222*: 784.000.000

*Có 2221*: 784.000.000

- D thu lãi tháng 1

*N 3941*: 11.760.000

*Có 702*: 11.760.000

- D thu lãi tháng 2

*N 3941*: 11.760.000

*Có 702*: 11.760.000

N u nhà NK không thanh toán tín cho NH thì NH s bán lô hàng c a nhà XK.

- Giá NH bán lô hàng c 800.000.000 .

S tín đ ra so v i s tín NH ã CK:  $800.000.000 - 784.000.000 = 16.000.000$

T ng s tín NH đ thu là  $11.760.000 \times 2 = 23.520.000$

Chênh l ch đ thu và th c thu:  $23.520.000 - 16.000.000 = 7.520.000$

**nh kho n:**

*N 1011*: 784.000.000

*Có 2222*: 784.000.000

*N 702*: 7.520.000

*Có 3941*: 7.520.000

- Giá NH bán lô hàng c 700.000.000

S tín thi u so v i s tín NH ã CK:  $784.000.000 - 700.000.000 = 84.000.000$

**nh kho n:**

*N 1011*: 700.000.000

*Có 2222*: 700.000.000

*N 89*: 84.000.000

*Có 2222*: 84.000.000

*N 702*: 23.520.000

*Có 3941*: 23.520.000

**Tr ng h p 4: Tài s n sau khi thu h i v , NH tân trang và ti p t c cho thuê thì h ch toán nh th nào?**

**Tình hu ng:**

Gi s sau khi thu h i tài s n cho thuê v , NH tân trang l i tài s n v i chi phí tân trang là 50.000.000 . NH l i tỉ p t c cho KH khách thuê. Tỉ n thuê hàng tháng là 10.000.000. Lãi 1.000.000 /tháng. nh kho n nh sau:

Chi phí tân trang:

N 872: 50.000.000

Có 1011: 50.000.000

Tỉ n thuê và tỉ n lãi h ch toán vào thu nh p khác:

N 1011: 11.000.000

Có 79: 11.000.000

### Nghi p v 1.

Ngày 20/11/2007, khách hàng Y không m tài kho n t i PGD X n PGD th c hi n m t l nh chuy n tỉ n cho khách hàng Z có tài kho n t i Ngân hàng B, s tỉ n 200 tri u. PGD thu phí chuy n tỉ n 0.03 % trên s tỉ n chuy n, phí ki m m 0.02%. T i PGD X ph i th c hi n chuy n l nh v H i s ngân hàng A H i s th c hi n chuy n tỉ n ra ngoài h th ng. Thu VAT ph i n p 10%.

- T i PGD X.

1.Thu phí d ch v chuy n tỉ n:

N 1011: 60.000 (200 tri u\*0.03%)

Có 711(thu phí d ch v thanh toán): 54.545

Có 4531: 5.455

2.Thu phí ki m m:

N 1011: 40.000 (200 tri u\*0.02%)

Có 713(thu d ch v ngân qu - phí ki m m): 36.364

Có 4531(thu VAT ph i n p Nhà n c):3.636

3.Th c hi n vi c chuy n tỉ n cho khách hàng Y:

N 1011: 200.000.000

Có 5199 (thanh toán khác gi a các n v trong t ng ngân hàng)

: 200.000.000

ng th i, th c hi n m t l nh chuy n tỉ n v H i s :

- T i H i s :

N 5199: 200.000.000

Có 454(chuy n tỉ n ph i tr b ng ng Vi t Nam)

: 200.000.000

Khi th c hi n thanh toán l nh chuy n, H i s s h ch toán nh sau:

Ngân hàng A và B u có m tài kho n t i ngân hàng Nhà n c.

T i ngân hàng A th c hi n m t l nh chuy n ti n cho ngân hàng B thông qua tài kho n m t i ngân hàng Nhà n c.

N 454: 200.000.000

Có 1113.NHA: 200.000.000

T i ngân hàng B khi nh n c báo có c a ngân hàng A thông qua ngân hàng Nhà n c s ti n hành báo có vào tài kho n khách hàng.

N 1113.NHB: 200.000.000

Có 4211. KHZ: 200.000.000

## **Nghi p v 2.**

Nh n c báo có c a NHNN v s ti n mà kho b c ã chuy n vào tài kho n c a NHA 4t . S ti n này Chính ph y thác cho NH A cho vay theo k ho ch phát tri n c s h t ng. Trong k , ã gi i ngân cho công ty Xây d ng N 600 tri u ng. Trong ó tr vào tài kho n ti n g i c a công ty Xây d ng m t i chính NH là 300 tri u ng, chuy n ti n qua thanh toán bù tr tr cho công ty c khí 200 tri u ng m t i NHTM D, l nh ti n m t 100 tr êu tr l ng và ti n thuê nhân công. NH nhân c 5 tri u phí y thác c a B Tài Chính chuy n vào tài kho n ti n g i t i NHNN. Trong s phí này, phải n p thu VAT 10%.

### **T i NH nh n y thác**

1.Kho b c chuy n vào tài khoản ti n g i c a NH t i NHNN

N 1113 :4.000.000.000

Có 4412 (v n ngân hàng n c a cính ph ): 4.000.000.000

2.Gi i ngân cho công ty Xây d ng N

N 359 (Các kho n ph i thu): 600.000.000

Có 4211.Công ty XD N: 300.000.000

Có 1011: 100.000.000

Có 5012(Thanh toán bù tr c a NH thành viên): 200.000.000

3.Thu phí y thác

N 1113.NHA: 5.000.000

Có 4531(Thu VAT ph i n p): 500.000

Có 714( Phí y thác): 4.500.000

## **Nghi p v 3.**

Khách hàng n tr lãi h p ng tín d ng. S tỉ n vay 500 tri u, lãi su 14%/n m, th i h n vay 1 n m, lãi ph t 10% lãi vay, tính lãi 360 ngày. H p ng tr lãi hàng tháng. H p ng vay ngày 15/09/07.

Ngày 15/10/07 khách hàng không n thanh toán tỉ n lãi:

Lãi t 15/09/07 -> 15/10/07

$$500.000.000 * 14\% * 30/360 = 5.833.333$$

Lãi ph t t 15/10/07 -> 30/10/07

$$14 * 150\% = 21\%$$

$$5.833.333 * 21\% * 30/360 * 15 = 51.042$$

=> T ng s tỉ n lãi khách hàng ph i thanh toán: 5.884.375

Hàng ngày tỉ n lãi c h ch toán đ thu vào TK 3941 (lãi đ thu t cho vay)

N 3941

Có 7020 (thu lãi cho vay)

n ngày 30/10/07 khách hàng thanh toán c h ch toán nh sau:

N 1011:5.833.333

Có 3941 : 5.833.333.

N 1011 :51.402

Có 7091 (thu khác t ho t ng tín d ng) : 51.042

#### **Nghi p v 4.**

Ngày 30/10/07 t i PGD X tỉ n hành gi i ngân h p ng tín d ng, s tỉ n 2 t , th i h n 1 n m, lãi vay 13%/n m, lãi ph t 150% lãi vay, tính lãi 360 ngày, h p ng tr lãi hàng tháng, tài s n m b o có giá tr 3 t . Thu phí h s tín d ng 200.000 . Khách hàng lãnh tỉ n m t.

Sau khi ã hoàn t th s tín d ng t i phòng tín d ng, c n c 1 nh gi i ngân c a phòng tín d ng, k toán th c hi n gi i ngân cho khách hàng.

+ N 2111(vay ng n h n): 2 t

Có 1011 : 2 t .

+ N 1011 : 200.000

Có 7111 : 181.181

Có 4531 : 18.182.

ng th i tỉ n hành nh p ngo i b ng tài s n m b o: Tài kho n s d ng ây là 9940 (tài s n th ch p, c m c a khách hàng)

Nh p 9940 : 3 t

## BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

❖❖❖ Tình huống 1: Ngày 17/7/2007, khách hàng Nguyễn Thị Kim Nhung 3 tháng, với số tiền 150 triệu đồng, trả lãi trước. Lãi suất 0.68% trên 1 tháng.

Xây dựng bảng tính trong bảng tính sau:

a) Ngày 17/10/2007, khách hàng mang số tiền đến rút tiền.

b) Ngày 20/9/2007, khách hàng rút tiền, ngân hàng chuyển lãi về lãi suất là 0.2% trên 1 tháng.

### Bài làm

- Số tiền khách hàng chuyển gửi vào ngân hàng là:

$$150 / (1 + 3 * 0.68\%) = 147.001176 \text{ triệu đồng}$$

- Như vậy, số tiền lãi mà khách hàng đã nhận được là:

$$150 - 147.001176 = 2.9988 \text{ triệu đồng}$$

N 1011 : 147.001176 triệu đồng

N 388 : 2.9988 triệu đồng

Có 4232.3 tháng. N : 150 triệu đồng

- Hàng tháng, phân bổ lãi vào chi phí:

N 801 : 0.9996 triệu đồng

Có 388 : 0.9996 triệu đồng

a) **Trường hợp khách hàng rút tiền đúng hạn:**

N 4232.3 tháng. N : 150 triệu đồng

Có 1011 : 150 triệu đồng

b) **Trường hợp khách hàng rút tiền trước hạn:**

Khi đó ngân hàng sẽ tính lãi không hạn trên số tiền chuyển gửi vào. (từ 17/7/2007 đến 20/9/2007: 65 ngày)

- Số tiền lãi là:

$$147.001176 * 0.2\% * 65 / 30 = 0.637 \text{ triệu đồng}$$

- Số tiền khách hàng nhận được vào ngày 20/9/2007 là:

$$150 + 0.637 - 2.9988 = 147.6382 \text{ triệu đồng}$$

Vậy, ta thấy xảy ra hai trường hợp:

1) Nếu từ thời điểm này, Ngân hàng sẽ phân bổ lãi vào chi phí 3 tháng, như vậy, ta hãy tính toán để biết làm gì về chi phí.

N 4232.3 tháng. N : 150 triệu đồng

Có 1011 : 147.6382 triệu đồng

Có 801 : 2.3618 triệu đồng (2.9988 - 0.637)

2) Nếu ngân hàng miễn phân bổ lãi vào chi phí trong 2 tháng đầu. Lúc này, tài khoản 801 đang có số dư là  $0.9996 * 2 = 1.9992$  triệu đồng, và tài khoản 388 có số dư là 0.9996 triệu đồng.

Ta hãy tính toán như sau:

N 4232.3 tháng.N : 150 tri u ng  
Có 1011 : 147.6382 tri u ng  
Có 801 : 1.3622 tri u ng (1.9992-0.637)  
Có 388 : 0.9996 tri u ng

❖❖❖ **Tình hu ng 2:** KH M vay 2000 l ng vàng trong 3 tháng. GV t i th i i m h i n t i là 12,5 tr /l ng.Tr lãi t TKTGTT vào cu i k . LS: 0,5%/tháng.GV vào CK là 11 tr /l ng.NH tính lãi d thu v i m c giá 13tr / l ng.

### Bài làm

➤ Khi cho khách hàng vay:

N 2141.M : 25 000 tri u ng

Có 1051 : 25 000 tri u ng

➤ Ngân hàng d thu lãi t ng tháng:

- Tháng th I:

N 3942 : 130 tri u ng

Có 702 : 130 tri u ng

- Tháng th II:

N 3942 : 130 tri u ng

Có 702 : 130 tri u ng

- Tháng th III:

N 3942 : 130 tri u ng

Có 702 : 130 tri u ng

➤ T ng lãi d thu:

$130 \text{ tr} \times 3\text{th} = 390 \text{ tri u ng.}$

➤ Lãi th c thu:

$2000 \times 11\text{tr} \times 0,5\% \times 3 = 330\text{tri u ng.}$

➤ KH tr n g c:

N 1051 : 22 000 tri u ng ( 2000 x 11)

N 632 : 3 000 tri u ng ( 2000 x 1,5)

Có 2141.M : 25 000 tri u ng

➤ Kh tr lãi:

- N 4211 : 330 tri u ng

Có 3942 : 330 tri u ng

- N 702 : 60 tri u ng

Có 3942 : 60 tri u ng

❖❖❖ **Tình hu ng 3:** T i 1 NH X, doanh nghi p A có h n m c tín d ng trong quý 3/2007 là 500 tr .Trong quý 3/2007 có các nghi p v :

- 7/7/07: DN A n rút tỉ n vay 150tr → d n : 150tr → HMTD còn: 350tr .
  - 25/7/07: DN A n rút tỉ p 150tr → d n : 300tr → HMTD còn: 200tr .
  - 31/7/07: DN A trích toài kho n tỉ ng i c a mình t i NH X tr lãi
  - 15/8/07: DN A n rút tỉ p 200tr → d n : 500tr → HMTD còn: 0 .
  - 31/8/07: do làm n có lãi nên DN A em tỉ n m t l i NH X tr h t lãi trong tháng 8 và tr luôn n g c.
- (Vĩ ây là hình th c cho vay theo HMTD nên NH X quy nh DN A ph i tr lãi hàng tháng). Cho bi t lãi su t 1.5%/tháng.

### Bài làm

Ta có th h ch toán các nghi p v trên t i NH X nh sau:

- Ngày 7/7: N 2111.DN A : 150 tri u ng  
Có 1011 : 150 tri u ng
  - Ngày 25/7: N 2111.DN A : 150 tri u ng  
Có 1011 : 150 tri u ng
  - Ngày 31/7:  
Lãi ph i tr =  $\frac{(150*18 + 300*6)}{30} * 1.5\% = 2.25$  tri u ng  
N 4211.DN A : 2.25 tri u ng  
Có 702.DN A : 2.25 tri u ng
  - Ngày 15/8:  
N 2111.DN A : 200 tri u ng  
Có 1011 : 200 tri u ng
  - Ngày 31/8:  
Lãi ph i tr là:  $\frac{(300*15 + 500*16)}{30} * 1.5\% = 6.25$  tri u ng
- Doanh nghi p A tr lãi tháng 8 và tr n g c là:
- N 1011 : 6.25 tri u ng  
Có 702.DN A : 6.25 tri u ng
  - N 1011 : 500 tri u ng  
Có 2111.DN A : 500 tri u ng

❖❖❖ Tình hu ng 4: Xu t 156.500 USD mua 1 tài s n theo n t hàng c a công ty n c ngoài QD, tr giá h p ng là 156000 USD, th i gian thuê là 3 n m, tỉ n thuê tr nh k theo quý là 13 000 USD. Lãi xu t 2,8%/quĩ tí nh trên giá tr còn l i c a m i k tr . Nh ng tr c 2 quý, n quý 3 công ty làm n thua l , có nguy c phá s n.



Hạch toán tình hình tài chính của công ty QĐ n th i i m quý 3. Cho bi t công ty mua USD c a ngân hàng tr n vay và lãi . T giá USD/VND t i các th i i m giao d ch u là 16100.

**Bài làm**

**- Khi mua tài s n :**

- N 386 : 156 500 USD
- Có 1031 : 156 500 USD

- Nh p 951 : 156 500 USD

**- Khi cho thuê tài s n:**

- N 2321 : 156 000 USD
- N 809 : 500 USD
- Có 386 : 156 500USD

- Xu t 951 : 156 500 USD
- Nh p 952 : 156 000 USD

**Quý 1:**

❖Hàng tháng, ngân hàng d thu lãi.

- N 3943 :  $156\,000 * 2.8\% / 3 = 1456$  USD
- Có 705 : 1456 USD

T ng t cho tháng th 2,3 c a quý 1.

❖Cu i quý 1, thu t i n thuê và lãi cho thuê.

-Khách hàng mua USD tr t i n thuê:  $13\,000 * 16\,100 = 209\,300\,000$  ng.

- N 4711: 13 000 USD
- Có 2321: 13 000 USD
- N 1011: 209 300 000 ng
- Có 4712: 209 300 000 ng

- Khách hàng mua USD tr t i n lãi:  $1\,456 * 3 * 16\,100 = 70\,324\,800$  ng

- N 4711 : 4368 USD ( $1456*3$ )
- Có 3943 : 4368 USD

- N 1011 : 70 324 800 ng
- Có 4712 : 70 324 800 ng

- S d n còn l i là:  $156000 - 13000 = 143000$  USD

**Quý 2**

❖ i v i t i n thuê thì ta h ch toán t ng t nh quý 1.

❖Hàng tháng, ngân hàng d thu lãi:

- N 3943 : 1334.7USD (  $143\,000 * 2.8\%/3$  )
- Có 705 : 1334.7 USD

- T ng t cho tháng th 2 và 3 c a quý 2.

❖ Khách hàng c ng mua USD tr ti n lãi:  $1334.7 * 3 * 16100 = 64\,466\,010$  ng

• N 4711 : 4 004.1 USD ( $1334.7 * 3$ )

Có 3943 : 4 004.1 USD

• N 1011 : 64 466 010 ng

Có 4712 : 64 466 010 ng

- S d n còn l i là:  $143\,000 - 13\,000 = 130\,000$  USD

### Quý 3

- Vì công ty có nguy c phá s n, nên ta chuy n n tiêu chu n sang n có kh n ng m t v n.

• N 2325: 130 000 USD

Có 2321: 130 000 USD

- X lý n có kh n ng m t v n:

• N 239 : 130 000 USD

Có 2325 : 130 000 USD

• Nh p 971: 130 000 USD

❖❖❖ Tình hu ng 5: Ngân hàng x có chính sách tín d ng nh sau: Cho vay 12 tháng, lãi su t 1%/tháng, tr lãi m i tháng, lãi su t ph t ch m thanh toán là 150% lãi su t thông th ng. Khách hàng A (không có tài kho n ti n g i t i NH X) n vay 500 tri u ng v i i u kho n tín d ng nh NH a ra, th i gian t 1/10/2006 n 1/10/2007. Trong 9 k lãi u, khách hàng n thanh toán lãi úng h n b ng ti n m t. Nh ng n 20/9/2007 khách hàng m i n thanh toán lãi k 10 và 11. Ngày 1/10/2007, khách hàng n tr ti n lãi k cu i và n g c. X lý k toán trong nh ng tr ng h p trên.

### Bài làm

❖ Ngày 1/10/2006:

N 2111.KH A : 500 tri u ng

Có 1011 : 500 tri u ng

❖ Ngày 1/11/2006:

Lãi ph i thu:  $500 * 1\% = 5$  tri u ng.

Khách hàng n tr lãi b ng ti n m t:

N 1011 : 5 tri u ng

Có 702 : 5 tri u ng

H ch toán t ng t cho 8 k ti p theo.

❖ Ngày 1/8/2007, khách hàng không n thanh toán lãi theo th i h n.

Ngân hàng theo dõi ngo i b ng

Nh p 941 : 5 tri u ng

❖ Ngày 1/9/2007, tiếp tục theo dõi nợ gốc

Nhập 941 : 5 triệu

Ngày này, ngân hàng xét thấy khách hàng suy giảm khả năng trả nên chuyển  
nợ gốc chú ý.

N 2112.KH A : 500 triệu

Có 2111.KH A : 500 triệu

❖ Ngày 20/9/2007, khách hàng nộp thanh toán lãi.

Mức phí do chi thanh toán lãi:  $500 * 1.5 * 1\% * (50 + 19) / 30 = 17.25$  triệu

N 1011 : 17.25 triệu

Có 702 : 17.25 triệu

nguồn Xuất 941: 10 triệu

❖ Ngày 1/10/2007, khách hàng nộp thanh toán nợ gốc và lãi cuối.

N 1011 : 505 triệu

Có 2112.KH A : 500 triệu

Có 702 : 5 triệu

### **Ví dụ 1:**

Ngày 1/11/2007, Ông Quang nộp Techcombank xin vay ngắn hạn để chi ngân  
khoản mua chứng khoán REE:

\_ Số là 2000 CP

\_ giá CP REE ngày 31/10/2007: 360.000

\_ kỳ hạn vay là 3 tháng

\_ lãi suất cho vay: 1,2 % / tháng

NH tham mưu mức cho vay Ông Quang 40% tổng giá trị thị trường của CP REE số  
mua.

Khách hàng báo mức tiền vay bằng thị trường nhà tài trợ giá 500.000.000

\_ Phí ngân hàng trợ góp nhk hàng tháng

Ngày 5/12 khách hàng thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi

### **NH KHOẢN:**

\_ Tổng giá trị thị trường của chứng khoán REE theo giá tham chiếu ngày 1/11/2007:

$$2000 * 360.000 = 720.000.000$$

\_ Mức cho vay:

$$40\% * 720.000.000 = 288.000.000$$

\_ Ngày 1/11/2007 NH ghi ngân:

N 2111: 288.000.000 ng  
Có 1011: 288.000.000 ng

ng th i Nh p tài kho n 994

\_Ngày 1/12/2007: khách hàng tr v n g c và lãi  
=  $288.000.000/3 + 288.000.000 * 1.2\%$   
= 99.456.000 ng

N 1011 99.456.000  
Có 2111 96.000.000  
Có 702 3.456.000

\_Ngày 5/12/2007 khách hàng thanh toán toàn b n g c và lãi còn l i

S ti n khách hàng thanh toán:

=  $2 * 96.000.000 + 192.000.000 * 1.2\% * 4 / 30 = 192.307.200$  ng

**N 1011 192.307.200**  
**Có 2111 192.000.000**  
**Có 702 307.200**

## Ví d 2:

Công ty c ph n xi m ng Hà Tiên bán ch u cho T ng công ty Xây d ng s 1 tr giá h p ng : 1 t ng trong th i h n 3 tháng. Do nhu c u v n l u ng, ngày 6/11/2006 công ty CP xi m ng Hà tiên ký h p ng bao thanh toán truy òi v i NHTMCP SCB th i h n 3 tháng

\_Lãi su t bao thanh toán: 0.95 %/tháng

\_Lãi bao thanh toán quá h n b ng 1.5 l n lãi su t bao thanh toán

\_Phí bao thanh toán: 0.2% giá tr kho n ph i thu c bao thanh toán

\_VAT 10%

Ngày 6/2/2007 T ng công ty xây d ng s 1 không tr n

Ngày 17/2/2007, T ng công ty xây d ng s v n không thanh toán, SCB g i thông báo òi n có truy òi n Công ty c ph n xi m ng Hà Tiên

Ngày 20/2/2007, Công ty c ph n xi m ng Hà Tiên tr n

## Ngày 6/11/2006

S ti n bao thanh toán = Giá tr kho n ph i thu c bao thanh toán – lãi bao thanh toán – phí bao thanh toán – VAT phí bao thanh toán

Lãi bao thanh toán =  $1.000.000.000 - 1.000.000.000 / (1 + 0.95\%)^3$

$$= 27.966.953 \text{ ng}$$

$$\begin{aligned} \text{Phí bao thanh toán} &= 0.2\% * 1.000.000.000 \\ &= 2.000.000 \text{ ng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Số tiền bao thanh toán :} \\ &= 1.000.000.000 - 27.966.953 - 2.200.000 \\ &= 969.833.047 \text{ ng} \end{aligned}$$

<b>N 2111. Tổng công ty xây dựng số 1:</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Có 4211. Công ty Hà Tiên</b>	<b>969.833.047</b>
<b>Có 488</b>	<b>27.966.953</b>
<b>Có 717</b>	<b>2.200.000</b>

$$\begin{aligned} \text{Ngân hàng phân bổ lãi bao thanh toán 3 lần:} \\ &= 27.966.953 / 3 = 9.322.317,667 \text{ ng} \end{aligned}$$

<b>N 488</b>	<b>9.322.317,667</b>
<b>Có 702</b>	<b>9.322.317,667</b>

Ngày 17/2/2007, SCB chuyển sang tài khoản công ty xi măng Hà Tiên

<b>N 2111. Công ty xi măng Hà Tiên</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Có 2111. Tổng công ty xây dựng số 1</b>	<b>1.000.000.000</b>

ngày chuyển sang quá hạn lãi công ty xi măng Hà Tiên

<b>N 2112. công ty XM Hà Tiên</b>	
<b>Có 2111. công ty XM Hà Tiên</b>	

Ngày 20/2/2007 công ty Hà Tiên trả :

**T** ngày 6/2/2007      **n** ngày 16/2/2007, lãi vay

$$\begin{aligned} &= 1.000.000.000 * 0.95\% * 11/30 \\ &= 3.483.333,33 \text{ ng} \end{aligned}$$

**T** ngày 17/2/2007      **n** ngày 20/2/2007,

$$\begin{aligned} \text{lãi bao thanh toán quá hạn} &= 1,5 \text{ lần lãi bao thanh toán} = 1,5 * 0.95\% = \\ &= 1,425\% \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Ti n lãi} &= 1.000.000.000 * 1.425\% * 3/30 \\ &= 1.425.000 \quad \text{ng} \end{aligned}$$

**T ng s ti n công ty thanh toán:**  
 $= 1.000.000.000 + 3.483.333,33 + 1.425.000 = 1.004.908.333 \quad \text{ng}$

<b>N 4211.công ty XM Hà Tiên</b>	<b>1.004.908.333</b>
<b>Có 2112.Công ty XM Hà Tiên</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Có 702</b>	<b>4.908.333</b>

***Câu 7: ưu nhược điểm của các phương thức thanh toán quốc tế***

Thanh toán quốc tế là một hoạt động mang tầm quan trọng đối với các NHTM cũng như đối với nền KTQD. Trong thanh toán quốc tế, vấn đề được quan tâm nhất đó là xác định phương thức thanh toán. Đây là toàn bộ quá trình, các thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán ngoại thương giữa người nhập khẩu và người xuất khẩu.

Hiện nay trong quan hệ ngoại thương có rất nhiều phương thức khác nhau như: chuyển tiền, nhờ thu, ghi sổ, thư tín dụng ... Mỗi phương thức đều có ưu, nhược điểm riêng, do vậy việc vận dụng các phương thức thanh toán thích hợp là một vấn đề quan tâm của 2 bên giao dịch.

Chúng ta sẽ xem xét một số phương thức hiện hành cùng ưu nhược điểm của nó:

+ Phương thức ứng tiền trước: đây là phương thức bảo đảm cho nhà XK nhất vì họ sẽ nhận được tiền thanh toán trước khi giao hàng hoặc khi hàng đến. Phương thức này được dùng khi có sự mất ổn định chính trị và kinh tế ở mức nhập khẩu hoặc khi khả năng thanh toán của người mua bị nghi ngờ.

+ Ưu điểm: Phương thức này ít rủi ro và tiện lợi cho nhà XK

+ Nhược điểm: Không được phổ biến và sử dụng rộng rãi trong tài trợ ngoại thương vì bất lợi với người mua — họ buộc phải có số lượng vốn lưu động lớn và có thể bị hoãn giao hàng khi nhà XK gặp khó khăn

- phương thức ghi sổ (mở TK) là phương thức thanh toán trong đó người XK khi XK hàng hoá, cung ứng dịch vụ thì ghi nợ cho người NK. Người mua (NK) về thanh toán khoản nợ này trong từng thời kỳ thoả thuận

Với việc sử dụng ngày càng tăng vận tải hàng không và đường bộ, việc thanh toán theo phương thức tài khoản mở ngày càng trở nên thông dụng. Phương thức này cũng thường được sd trong trao đổi hàng hoá giữa công ty mẹ và công ty con ở nước ngoài.

+ Ưu điểm: rất đơn giản, và tránh được các chi phí tài trợ và dịch vụ, có sự linh hoạt (không quy định ngày thanh toán cụ thể)

+ Nhược điểm:

-> khả năng kiểm soát tiền tệ thấp vì theo phương thức giao dịch này mức độ chuyển giao ngoại hối có ưu tiên thấp.

-> bất lợi cho nhà XK vì họ ít có bằng chứng cam kết về nghĩa vụ của người mua phải trả một số tiền nhất định vào một ngày nhất định

- phương thức chuyển tiền: là phương thức trong đó một khách hàng yêu cầu ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định cho người được hưởng ở một địa điểm nhất định. Ngân hàng chuyển tiền phải thông qua đại lý của mình ở nước người được hưởng để thực hiện nghiệp vụ chuyển tiền

Việc chuyển tiền có thể thực hiện qua 2 hình thức chủ yếu là điện báo và thư chuyển tiền.

+ Ưu điểm: nhanh chóng, tiện lợi và thủ tục đơn giản (quy trình hạch toán chỉ cần 3 bước)

+ Nhược điểm: Phương thức này được sử dụng với đk 2 bên phải tin tưởng lẫn nhau, ngân hàng chỉ đóng vai trò trung gian nên rủi ro có thể xảy ra với cả người nhận và người trả do quá trình chuyển tiền không thành

- Phương thức nhờ thu: là phương thức thanh toán mà trong đó người bán sau khi giao hàng, giao chứng từ hàng hoá uỷ thác cho ngân hàng phục vụ mình thu hộ số tiền bán hàng ở người mua thông qua ngân hàng phục vụ người mua.

+ ưu điểm: giống như chuyển tiền- nhanh chóng, tiện lợi, thủ tục đơn giản, quy trình thực hiện ngắn gọn

+ Nhược điểm: Không đảm bảo quyền lợi của người bán vì việc thanh toán phụ thuộc vào ý muốn của người mua, tốc độ thanh toán chậm và ngân hàng chỉ đóng vai trò là người trung gian đơn thuần

Phương thức nhờ thu được áp dụng trong trường hợp hai bên mua bán tin cậy lẫn nhau và thường dùng để thanh toán cước phí vận tải, bán hàng

- phương thức tín dụng chứng từ (LC):

thư tín dụng là một văn bản cam kết dùng trong thanh toán, trong đó một ngân hàng (phục vụ người NK), theo yêu cầu của người NK sẽ chuyển cho ngân hàng ở nước ngoài (ngân hàng phục vụ người XK) một L/C cam kết trả cho người XK một số tiền nhất định trong tgian quy định với đk người XK phải xuất trình đầy đủ bộ chứng từ phù hợp với các đk.

Trong thực tế có 2 loại L/C cơ bản được sử dụng là thư tín dụng huỷ ngang và thư tín dụng không thể huỷ ngang. Tùy theo tính chất, nhu cầu của quan hệ thương mại giữa 2 bên đối tác mà người xin mở L/C thoả thuận với người được hưởng L/C lựa chọn loại hình L/C mở tại ngân hàng phục vụ mình.

+ Ưu điểm; bảo đảm được quyền bình đẳng trong quan hệ thanh toán giữa người mua và người bán

+ nhược điểm; phương thức này chặt chẽ nên thủ tục, quy trình thực hiện rườm rà, phức tạp, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ cao.

### ***Câu 10: Những thuận lợi và khó khăn về thanh toán Séc và thẻ ở VN hiện nay***

Việc thanh toán không dùng tiền mặt nói chung và việc dùng séc và thẻ thanh toán nói riêng có ý nghĩa rất to lớn đến sự PT của nền KT

ở VN hiện nay cũng với tốc độ tăng trưởng ổn định của nền KT, sự gia tăng các TK tiền gửi tại ngân hàng giúp cho hoạt động thanh toán không dùng TM ngày càng phổ biến với nhiều hình thức đa dạng. Tuy nhiên, các hình thức mà NHTM ở VN hiện nay đang sd phổ biến là UNT, UNC, SEK còn các hình thức khác như Séc và Thẻ lại chưa được sử dụng rộng rãi. Có nhiều nguyên nhân gây nên tình trạng đó, chúng ta hãy cùng xem xét các thuận lợi, hàng hoá của việc sử dụng séc, thẻ để rút ra những nguyên nhân

Séc là lệnh chuyển tiền của chủ tài khoản trên mẫu in sẵn của ngân hàng yêu cầu đơn vị thanh toán (ngân hàng phục vụ chủ TK) rút một số tiền từ TK của mình để trả cho người thụ hưởng

Còn thẻ thanh toán là một loại giấy tờ có giá đặc biệt, được làm bằng chất dẻo tổng hợp, được nhà phát hành ấn định giá trị dùng để trả tiền hàng hoá hay dịch vụ, rút tiền mặt tự động qua máy đọc thẻ hay các máy rút tiền tự động

- Thuận lợi:

Số chủ thẻ có TK tại ngân hàng để tham gia thanh toán ngày càng tăng, thể hiện qua tốc độ thanh toán không dùng tiền mặt năm 2002 tăng so với 2001

Số ngân hàng tham gia thanh toán bằng séc và thẻ nhiều. Trước năm 2001 ở VN có 10 NH cung cấp thẻ thì đến nay, hầu hết các NHTM quốc doanh, cổ phần, chi nhánh NH đều tham gia. Sự đa dạng về thành phần sở hữu, cơ cấu tổ chức của các ngân hàng đã làm cho thị trường thẻ trở nên sôi động, cạnh tranh diễn ra trên cả 2 lĩnh vực phát hành thẻ và thanh toán thẻ

CP cũng đưa ra những chính sách và các chương trình hành động KT tạo đk thuận lợi cho việc sử dụng Séc và thẻ. Phần 1, điểm 5 về ngân hàng viết: "... giảm tỷ lệ tiền mặt trong lưu thông tiền tệ ... muốn giảm khối lượng giá trị tiền mặt trong lưu thông thì TM phải được thay thế bằng các phương tiện thanh toán là séc hoặc thẻ NG và sử dụng các thể thức thanh toán không dùng tiền mặt qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

- khó khăn:

Thực trạng nền KT chưa thực sự PT, thu nhập của người dân VN còn ở mức thấp, GDP bình quân đầu người chỉ 100USD/ năm. Cùng với tâm lý còn bỡ ngỡ, e ngại trong việc phát hành và tiếp nhận séc và thẻ thanh toán khi mua bán hàng hoá và dịch vụ, vì phần lớn khi sử dụng séc và thẻ người dân phải mở TK tại ngân hàng trong khi dân VN có thói quen giao dịch bằng TM.

Trình độ hiểu biết của người dân về các hình thức thanh toán hiện đại như séc và thẻ còn thấp

Đối với các doanh nghiệp, khi tham gia thanh toán không dùng TM qua ngân hàng sẽ bị tính thuế chính xác, điều này là điều doanh nghiệp không mong muốn, nhất là những doanh nghiệp trốn thuế. Vì vậy họ vẫn chưa sử dụng hình thức thanh toán séc và thẻ nhiều.

Nội dung, thể thức thanh toán séc và thẻ ở VN chưa thông thoáng, các nhà quản lý xây dựng chính sách còn đặt nặng tính an toàn của séc và thẻ làm mất đi đặc tính vốn dĩ của nó là thuận tiện trong thanh toán

Khó khăn lớn nhất của việc phát triển sử dụng séc và thẻ thanh toán ở VN hiện nay là cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngân hàng vẫn chưa có hệ thống kỹ thuật thống nhất từ TW



đến địa phương cơ sở, các phần mềm giữa các ngân hàng có nhiều điều không tương thích. Hệ thống máy rút tiền tự động sử dụng trong thanh toán thẻ chưa phổ biến và đồng bộ

Hệ thống công nghệ thông tin chưa áp dụng rộng khắp

Tình trạng ử dụng séc và đặc biệt là thẻ giả mạo, gian lận gây lo ngại cho ngân hàng trong việc thanh toán séc và thẻ.

### ***Câu 11: thanh toán không dùng tiền mặt, ý nghĩa, vai trò với nền KT. Liên hệ với VN***

Thanh toán tiền tệ trong nền KT diễn ra dưới hai hình thức là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt. Nếu thanh toán bằng tiền mặt, có sự xuất hiện của TM trong quá trình thanh toán thì thanh toán không dùng tiền mặt không có sự xuất hiện của TM trong quá trình thanh toán mà được tiến hành bằng cách trích tiền từ TK của người thụ hưởng hoặc bằng cách bù trừ lẫn nhau thông qua vai trò trung gian của ngân hàng.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của lưu thông, trao đổi hàng hoá, thanh toán không dùng TM ra đời từ rất sớm, từ khi xuất hiện ngân hàng làm dịch vụ thanh toán. Ngày nay, khi nền KTPT, hệ thống NH không ngừng lớn mạnh và hiện đại thì thanh toán không dùng TM cũng PT và chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh số thanh toán tiêu thụ

ý nghĩa của thanh toán không dùng TM ra đời đã khắc phục được nhiều nhược điểm của thanh toán bằng TM, không phải mang vác công kênh khi thanh toán với số lượng lớn, tránh được hiện tượng trộm cắp khi mang theo bên mình, thuận tiện trong việc thanh toán.

Vai trò: Phát huy vai trò to lớn đối với SX, lưu thông hàng hoá, tiết kiệm chi phí lưu thông, góp phần tăng nguồn vốn cho ngân hàng và tăng cường quản lý vi mô đối với hoạt động thanh toán trong nền KT.

Liên hệ VN trước kia chỉ thanh toán chuyển tiền từ khi đổi mới với hoạt động ngành ngân hàng từ ngân hàng một cấp sang ngân hàng 2 cấp. NHNN làm nhiệm vụ quản lý NN về tiền tệ và ngân hàng, các NHTM là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ. Ngoài kho bạc Nhà nước các cấp ra đời cũng là đơn vị thanh toán. Từ đó công tác thanh toán không dùng TM trở nên khó khăn phức tạp khi khách hàng mở TK tiền ử không kỳ hạn ở đơn vị thanh toán này trả tiền cho KH mở TKTG không kỳ hạn ở đơn vị thanh toán khác hệ thống đặc biệt là khách hàng trả tiền và khách hàng thụ hưởng ở 2 địa phương khác nhau. Từ đó xuất hiện thêm nhiều phương thức thanh toán khác nhau như UNT, UNC, Séc, thẻ, L/C

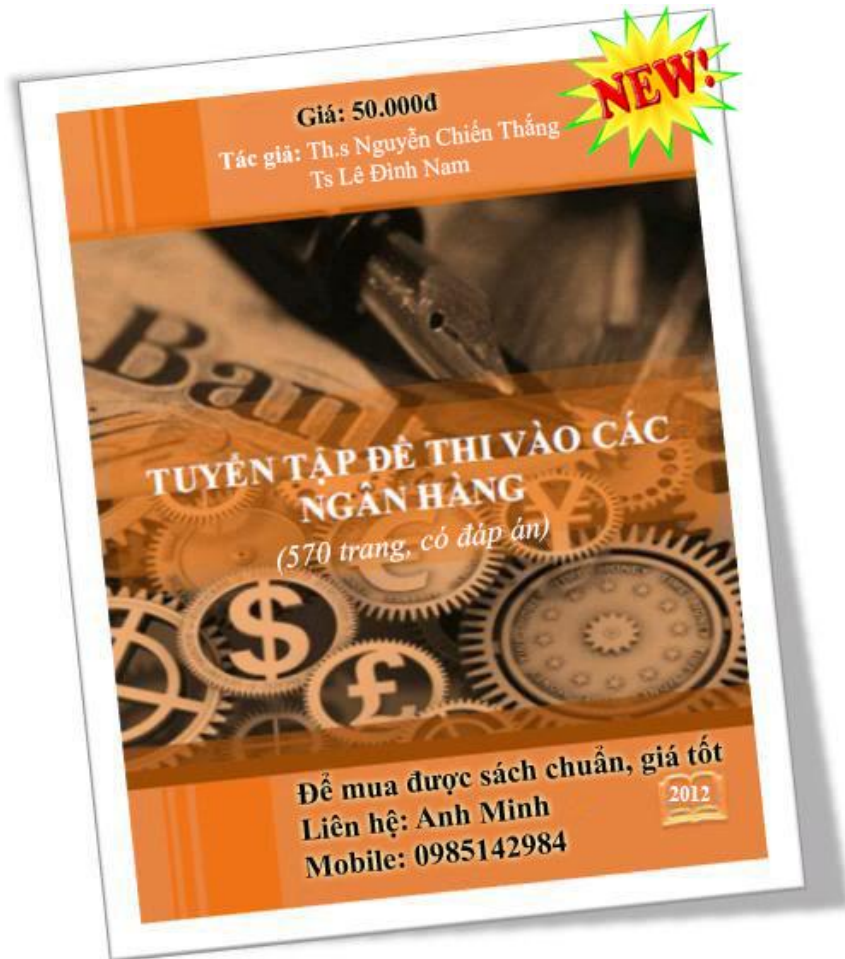
Hiện nay ở VN các hình thức UNT, UNC đã được sử dụng phổ biến trong công tác thanh toán của các ngân hàng thương mại và được sử dụng chủ yếu bởi các doanh nghiệp trong việc thanh toán tiền hàng. Séc và thẻ thì lại được sử dụng chủ yếu bởi các cá nhân

Tuy nhiên, vì tâm lý tiêu dùng tiền mặt của nhân dân VN vẫn còn nặng nên hoạt động thanh toán không dùng TM ở VN vẫn còn chưa PT. Mặt khác, do công nghệ thông tin áp dụng vào các ngân hàng chưa rộng rãi -> hạn chế

**GI I THI U SÁCH THAM KH O  
TUY N T P CÁC D NG THI VÀO NGÂN HÀNG**

*(570 trang, có áp án)*

**TÀI LI U ÔN THI VÀO NGÂN HÀNG  
CHÌA KHOÁ M C A THÀNH CÔNG**



**XEM VIDEO GI I THI U SÁCH TRÊN YOUTUBE**

*(Click vào bi u t ng ho c link bên d i)*



<http://youtu.be/dSO3G1BuM8M>

## Tác giả :

Thạc sĩ MBA Nguyễn Chí Thịnh

Tiến sĩ Toán Lê Đình Nam

(Trưởng bộ phận Lê Giang)

nhắn file: **PDF** (~20MB) Số trang: **570**

## Hình thức thanh toán và nhận sách:

*Sách sẽ có "cập nhật hoá" nên giá chỉ còn  
50.000 VNĐ / 1 giao dịch.*

Nhận sách bằng cách mua 1 thẻ cào **Viettel** mệnh giá **50.000** , sau đó nhắn tin mã số thẻ và gửi vào số **0985.142.984**, đồng thời gửi kèm theo sách **Email** hoặc **Yahoo** mình sẽ gửi ngay cho bạn qua **Email** hoặc **Yahoo** tùy bạn lựa chọn.

## Thông tin khuyến mãi:

Khi mua sách các bạn còn được **khuyến mãi 4 in 1**

+/ 1 tài khoản vip trên **Tailieu.vn** không giới hạn số lượng và thời gian,

+/ 1 bộ tài liệu ôn thi vào ngân hàng **Sacombank** lưu hành nội bộ, có áp dụng tháng tiếp theo.

+/ 1 Ebook luật Ngân hàng miễn phí

+/ 1 bộ sách Học Thử Bài Tập, Bài Giảng và Đăng Thi Nghiệp Vụ Ngân Hàng

Thư ngửi Mũi

(Tài liệu cập nhật của PGS.TS Nguyễn Ngọc Dũng, trưởng Bộ phận Kinh Tế TP HCM)

**Mời góp ý, hỗ trợ vui lòng liên hệ : Anh Minh**

**Mobile: 0985.142.984**

**Yahoo: sorry\_honeyhn**

# LỜI NÓI ĐẦU

Chắc hẳn rằng có rất nhiều bạn đã từng hoặc đang thi tuyển vào ngân hàng để tìm cho mình một công việc với mức lương cao, một công việc năng động, một môi trường chuyên nghiệp ... hay chỉ để thử sức mình. Nhưng có những người thành công và cũng có những người chưa thành công. Điều này rất dễ hiểu bởi nhân sự đầu vào cho lĩnh vực ngân hàng ngày một đông đảo nên cơ hội chỉ dành cho số ít những người có lòng kiên trì và sự cố gắng.

Ngay từ thời sinh viên, việc tìm tài liệu sách báo liên quan đến chuyên ngành tài chính ngân hàng là một điều khó khăn đối với tôi. Sự phát triển của công nghệ thông tin và sự chia sẻ sâu rộng thông tin tài chính ngân hàng ngày càng được mở ra đã dần khắc phục những khó khăn trước kia. Mặc dù rất bận với công việc nhưng mỗi ngày tôi đều dành ra một chút thời gian để tìm tòi và viết sách, một cuốn sách mà ban đầu tôi chỉ nghĩ đơn giản tôi viết cho chính mình, cho những điều tôi chưa biết và “tìm hoài không thấy”.

Cứ mỗi ngày một vài trang, cuốn sách đã dần hoàn thành và tôi nghĩ có thể có những người khác ngoài tôi cần đến nó. Cuốn sách có tựa đề “TUYỂN TẬP ĐỀ THI VÀO CÁC NGÂN HÀNG” được tổng hợp từ hàng trăm đề thi mà tôi đã đọc, đã làm. Điều đặc biệt hơn cả trong cuốn sách là đa số các câu hỏi đều được giải đáp cụ thể, bắt nguồn từ những trải nghiệm của tôi, những lời giải mà tôi cho là ngắn gọn và súc tích nhất.

Nội dung của cuốn sách được chia thành 6 phần, cũng giống như khi bạn thi phần thi viết tại các ngân hàng, gồm có:

**Phần 1 – Trắc nghiệm**

**Phần 2 – Câu hỏi tự luận**

**Phần 3 – Bài tập**

**Phần 4 – IQ và GMAT**

**Phần 5 – Tiếng Anh**

**Phần 6 – Tin học**

**Phần 7 – Verbal Test - Numerical Test  
- Clerical Test**

Ở trong mỗi phần của cuốn sách, tôi đều phân câu hỏi theo từng nghiệp vụ chuyên môn, gồm có: Nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ kế toán, nghiệp vụ thanh toán quốc tế ... Cụ thể như phần Mục lục của cuốn sách này.

Phần câu hỏi liên quan đến Nghiệp vụ tín dụng là nhiều hơn cả nên được tôi cụ thể hóa thành 2 mục lớn là A – Kiến thức về Luật và B – Kiến thức Nghiệp vụ.

# MỤC LỤC

<b>BẢNG TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH.....</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN 1 – TRẮC NGHIỆM.....</b>	<b>7</b>
CHƯƠNG 1: TRẮC NGHIỆM NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	7
<b>A - Kiến thức về Luật.....</b>	<b>7</b>
<b>B - Kiến thức Nghiệp vụ.....</b>	<b>42</b>
CHƯƠNG 2: TRẮC NGHIỆM NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG .....	85
CHƯƠNG 3: TRẮC NGHIỆM NGHIỆP VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ.....	92
CHƯƠNG 4: TRẮC NGHIỆM HIỂU BIẾT CHUNG .....	103
<b>PHẦN 2 – CÂU HỎI TỰ LUẬN.....</b>	<b>113</b>
CHƯƠNG 1: CÂU HỎI NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	113
CHƯƠNG 2: CÂU HỎI NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG .....	117
<b>PHẦN 3 – BÀI TẬP .....</b>	<b>118</b>
CHƯƠNG 1: BÀI TẬP NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	118
CHƯƠNG 2: BÀI TẬP NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG.....	134
<b>PHẦN 4 – IQ và GMAT .....</b>	<b>140</b>
I)    GMAT (Graduate Management Admission Test) .....	140
II)   IQ (Intelligent Quotient).....	148
<b>PHẦN 5 – TIẾNG ANH .....</b>	<b>179</b>
<b>PHẦN 6 – TIN HỌC.....</b>	<b>209</b>
<b>PHẦN 7 – VERBAL TEST - NUMERICAL TEST - CLERICAL TEST .....</b>	<b>229</b>
I.    VERBAL TEST .....	229
II.   NUMERICAL TEST.....	234
III.  CLERICAL TEST.....	241
<b>PHẦN ĐÁP ÁN .....</b>	<b>249</b>
ĐÁP ÁN PHẦN 1 – TRẮC NGHIỆM .....	249

CHƯƠNG 1: TRẮC NGHIỆM NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	249
<b>A - Kiến thức về Luật</b> .....	249
<b>B - Kiến thức Nghiệp vụ</b> .....	298
CHƯƠNG 2: TRẮC NGHIỆM NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG.....	346
CHƯƠNG 3: TRẮC NGHIỆM NGHIỆP VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ.....	354
CHƯƠNG 4: TRẮC NGHIỆM HIỂU BIẾT CHUNG.....	357
<b>ĐÁP ÁN PHẦN 2 – CÂU HỎI TỰ LUẬN</b> .....	371
CHƯƠNG 1: CÂU HỎI NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	371
CHƯƠNG 2: CÂU HỎI NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG .....	421
<b>ĐÁP ÁN PHẦN 3 – BÀI TẬP</b> .....	434
CHƯƠNG 1: BÀI TẬP NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	434
CHƯƠNG 2: BÀI TẬP NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG.....	451
<b>ĐÁP ÁN PHẦN 4 – IQ VÀ GMAT</b> .....	455
<b>I) GMAT</b> .....	455
<b>II) IQ</b> .....	466
<b>ĐÁP ÁN PHẦN 5 – TIẾNG ANH</b> .....	499
<b>ĐÁP ÁN PHẦN 6 – TIN HỌC</b> .....	529
<b>ĐÁP ÁN PHẦN 7: VERBAL TEST – NUMERICAL TEST – CLERICAL TEST</b> .....	532
<b>I. VERBAL TEST</b> .....	532
<b>II. NUMERICAL TEST</b> .....	539
<b>III. CLERICAL TEST</b> .....	551
<b>PHỤ LỤC SÁCH</b> .....	<b>562</b>
PHỤ LỤC 1: CÁC KÝ HIỆU TOÁN HỌC VÀ ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG.....	562
PHỤ LỤC 2: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP (QĐ 48/2009/BTC) .....	562
PHỤ LỤC 3: BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (QĐ 48/2009/BTC) .....	564
PHỤ LỤC 4: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ – PP TRỰC TIẾP (QĐ 48/2009/BTC) .....	565
PHỤ LỤC 5: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ – PP GIÁN TIẾP (QĐ 48/2009/BTC) .....	566
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>568</b>